

“CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN” HIỂU THẾ NÀO CHO ĐÚNG?

TRỊNH VĂN TÙNG^(*)

Tóm tắt: Trong giai đoạn hiện nay, nhiều thế lực thù địch đang tìm cách chống phá và/hoặc xuyên tạc nền tảng tư tưởng nói chung và tinh thần “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” nói riêng của Đảng ta. Nhiều tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rất rõ quan điểm không khoan nhượng của mình đối với chủ nghĩa cá nhân trong Đảng. Kế thừa tư tưởng của Người, Đảng ta cũng luôn “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân”. Vậy, chủ nghĩa cá nhân mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đấu tranh có nghĩa là gì? Trong giới hạn của bài viết, tác giả muốn phân tích bản chất của khái niệm “chủ nghĩa cá nhân” trong khoa học xã hội và nhân văn để từ đó giúp cho người đọc hiểu và truyền thông đúng nội dung “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” của Đảng và Nhà nước ta hiện nay¹.

Từ khóa: chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa vị kỉ, chủ nghĩa vị lợi, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Abstract: In the current period, many hostile forces are seeking to destroy and/or distort the ideological foundation in general and the spirit of “fighting against individualism (egoism)” in particular of our Party. Many of President Ho Chi Minh’s works clearly show his uncompromising stance towards individualism in the Party. Inheriting his thought, our Party also always “fights against individualism”. So, what does the individualism that President Ho Chi Minh and our Party fight for? Within the limits of the article, the author wants to analyze the nature of the concept of “individualism” in the social sciences and humanities so as to help readers understand and properly communicate the content of “struggle against the sovereignty”. “Individualism” of our Party and State today.

Keywords: individualism, egoism, utilitarianism, struggle against individualism.

Ngày nhận bài: 17/10/2022; ngày gửi phản biện: 18/10/2022; ngày duyệt đăng bài: 02/3/2023.

1. Chủ nghĩa cá nhân với tư cách là hệ ý niệm, chủ thuyết hay hệ hình²

Được sử dụng đầu tiên bởi Lamennais vào năm 1829, khái niệm chủ nghĩa cá nhân

^(*) Viện Lãnh đạo học và Chính sách công, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

¹ Bài viết này tham gia dự thi *Nghị quyết số 35-NQ/TW* ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

² Tiếng Anh/tiếng Pháp: Paradigm(e). Đây là một thuật ngữ đã được chuyển tải sang tiếng Việt bằng rất nhiều từ, ví dụ: hệ ý niệm (Vũ Cao Đàm); hệ hình (Trần Ngọc Vương); chủ thuyết/lí thuyết mẹ (Trịnh Văn Tùng); lí thuyết vĩ mô (Đặng Nguyên Anh, Trịnh Văn Tùng), v.v.. Tuy nhiên, dù dịch thế nào thì thuật ngữ này cũng diễn tả hai ngữ nghĩa căn bản của nó: (i) Là sự chia sẻ phương pháp luận tư duy về xã hội (phương pháp luận cá nhân (individualism methodologism) nghĩa là muốn tìm hiểu và lí giải các hiện tượng/vấn đề xã hội thì phải tìm hiểu thái độ, lời nói, động cơ, hành động của mọi cá nhân sống trong đó; phương pháp luận cấu trúc (structuralism methodologism) nghĩa là muốn tìm hiểu và lí giải các hiện tượng/vấn đề xã hội thì phải tìm kiếm các biến số/yếu tố thể chế, thiết chế và cấu trúc xã hội; phương pháp luận biện chứng (dialectism methodologism) nghĩa là muốn tìm hiểu và lí giải các hiện tượng/vấn đề xã hội thì phải cùng lúc tìm kiếm các biến số thuộc về cá nhân và thuộc về cấu trúc, thể chế và thiết chế, xem thử các nhóm biến số ấy tương tác với nhau như thế nào; (ii) Là tập hợp các nhà khoa học cùng chia sẻ một phương pháp luận tư duy để từ đó hình thành nên trường phái học thuật (Popper).

có ngữ nghĩa đối lập với chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa cấu trúc hay tư tưởng hệ thống. Khái niệm này căn bản được sử dụng trong lĩnh vực chính trị. Từ đó đến nay, tùy vào mỗi tác giả khi sử dụng, khái niệm này có khi mang hàm ý tiêu cực và cũng có khi trung tính, thậm chí tích cực. Như vậy, sự đối lập về hệ ý niệm tạo ra hai nhóm học giả đối lập nhau, có khi trái ngược hoặc phủ định lẫn nhau.

Trước hết, theo hệ ý niệm tiêu cực hay phản giá trị, chủ nghĩa cá nhân gần như đồng nghĩa với chủ nghĩa ích kỷ hoặc tư tưởng vụ lợi, khi một cá nhân nào đó coi mình là tối thượng và là hiện thân của chuẩn mực hành vi. Về mặt đạo đức và luân lý, chủ nghĩa cá nhân là tất cả những hình thái biểu hiện trái ngược với các giá trị công dân hay các giá trị xã hội. Trong trường hợp này, xã hội học coi chủ nghĩa cá nhân như là một hình thái lệch chuẩn xã hội hay bệnh lý xã hội của cá nhân (“anomie”) (Durkheim, 1893, 1986). Về phần mình, nhiều nhà tâm lý học sử dụng khái niệm này theo nghĩa “cái tôi được đặt lên trên hết và trước hết” (“narcissism(e)”).

Trong các ấn phẩm của nhà xã hội học người Đức, Weber, chủ nghĩa cá nhân gắn với thời kì công nghiệp hóa và mang tính tiêu cực. Một mặt, ông cho rằng cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai đang tạo ra một thứ quyền lực duy lý và một xã hội có tổ chức chặt chẽ nhờ dây chuyền sản xuất. Mặt khác, cuộc cách mạng này cũng đã sản sinh ra chủ nghĩa cá nhân, trái ngược với chủ nghĩa tập thể hoặc chủ nghĩa cộng đồng ở nông thôn truyền thống. Từ đó, ông cho rằng nền công nghiệp đã làm cho “thế giới mất niềm vui” (“désenchantement du monde”), nghĩa là từ một xã hội truyền thống có liên kết cộng đồng chặt chẽ, mọi người đoàn kết và chia sẻ cảm xúc với nhau đã chuyển sang một xã hội mà chủ nghĩa cá nhân lên ngôi (ai làm việc ở vị trí nào trong dây chuyền sản xuất thì chỉ biết vị trí đó mà thôi; người lao động trong dây chuyền sản xuất đoàn kết với nhau một cách máy móc). Khi khái niệm “thế giới của riêng tôi”³ xuất hiện thì theo Weber, đó chính là lúc thể hiện một tình trạng bệnh lý của nền văn minh công nghiệp (Weber, 1920, 1964).

Cách tiếp cận về chủ nghĩa cá nhân của Durkheim cũng khá tương đồng với cách tiếp cận của Weber, khi ông bàn đến các hình thái đoàn kết xã hội, lệch chuẩn xã hội hay phi chuẩn mực xã hội (“anomie”). Thực vậy, sự phân công xã hội về lao động công nghiệp vừa bao hàm một hình thái đoàn kết hữu cơ vừa biến mỗi cá nhân trở thành một mắt xích có mối liên hệ phụ thuộc rất chặt chẽ với các mắt xích khác trong dây chuyền sản xuất. Mỗi cá nhân vừa bổ sung cho các cá nhân khác, vừa thể hiện sự khác biệt với họ. Đây chính là nghịch lý của xã hội công nghiệp đã biến các cá nhân vừa phụ thuộc lẫn nhau lại vừa khác nhau do mỗi người đảm nhận một mắt xích của dây chuyền sản xuất. Cùng với chủ nghĩa cá nhân, hình ảnh của “con người nhân vị” đã thay thế cho hình ảnh của cấu trúc xã hội. Ngược lại, “con người nhân vị” ấy bị tha hóa bởi dây chuyền sản xuất, bởi vì, cái tôi (chủ nghĩa cá nhân tiêu cực) ở đó đã lên ngôi hoặc mang giá trị tuyệt đối. Trong trường hợp này, chủ nghĩa cá nhân lại là yếu tố phá vỡ mạng lưới xã hội hay sự liên kết cộng đồng: chủ nghĩa cá nhân xóa đi lí tưởng về một xã hội công dân

³ Tiếng Anh/tiếng Pháp: “my world”, “mon monde”.

bình đẳng. Nói cách khác, dây chuyền sản xuất công nghiệp đã phá vỡ cấu trúc xã hội truyền thống để từ đó tạo ra những lệch chuẩn xã hội hoặc phi chuẩn mực xã hội.

Ngược lại, theo hệ ý niệm trung tính và/hoặc tích cực, chủ nghĩa cá nhân được sử dụng để chỉ sự tự do, quyền tự quyết và quyền tự trị của cá nhân. Trong trường hợp này, nhiều nhà khoa học xã hội và nhân văn gán cho chủ nghĩa cá nhân năng lực sáng tạo vô cùng của mỗi người. Nói cách khác, khi không bị bất kì sự ràng buộc nào, mỗi cá nhân sẽ có năng lực suy nghĩ, sáng tạo, lựa chọn và quyết định hành động.

Về mặt khoa học luận, chủ nghĩa cá nhân được hiểu theo hai cách tiếp cận trái ngược nhau: (i) cách tiếp cận thứ nhất xác định rằng cá nhân được đặt thấp hơn tập thể và chỉ là một sản phẩm của cấu trúc xã hội, hệ thống xã hội hay xã hội tổng thể; (ii) cách tiếp cận thứ hai coi cá nhân là hạt nhân cơ bản của xã hội, do vậy, cá nhân là điểm xuất phát để hiểu tập thể, cấu trúc xã hội và toàn thể xã hội. Ví dụ, trong tâm lý học xã hội, muốn hiểu tập tính xã hội thì phải hiểu được tâm lý của tập hợp các cá nhân sống trong xã hội đó. Sự đảo lộn về mặt khoa học luận, tức là sự đảo lộn quan niệm về cá nhân, đã làm cho cá nhân được nhìn nhận một cách đa nghĩa hơn (Dumont, 1983; Trịnh Văn Tùng và các cộng sự, 2001, 2015).

Khi bàn về sự ra đời của chủ nghĩa cá nhân gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều nhà khoa học xã hội và nhân văn thường bàn đến *Bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mĩ* và *Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp. Thực vậy, qua những sự kiện này, chủ nghĩa cá nhân không chỉ hiểu một cách đơn giản về sự chuyển dịch trong mối quan hệ xã hội và mối quan hệ chính trị, mà được hiểu như là một lát cắt rất cơ bản so với quan niệm trước đó. Trong *Bản Tuyên ngôn độc lập* của nước Mĩ ngày 04/7/ 1776 đã viết: “*Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng; tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền được mưu cầu hạnh phúc*”; *tất cả mọi người thành lập nên chính phủ để chính phủ đảm bảo những quyền đó cho họ; quyền lực của chính phủ chỉ được sinh ra từ sự đồng thuận của mọi người dân*” (Dẫn theo Akoun, 1999, tr. 276).

Khi phân tích văn bản này một cách kỹ lưỡng, chúng ta thấy chủ nghĩa cá nhân đã hiện diện ở trong đó một cách tự nhiên (qua cụm khái niệm tất cả mọi người, nghĩa là mỗi cá nhân). Như vậy, tư tưởng cá nhân đã trở thành một thực tế mà mỗi người đều có. Vị thế của cá nhân trong *Bản Tuyên ngôn độc lập* của nước Mĩ đã trở thành nguồn cảm hứng cho *Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*⁶ của nước Pháp năm 1789. Sự xuất hiện của chủ nghĩa cá nhân là kết quả của một quá trình tư duy lâu dài và là kết quả của việc phá vỡ quan niệm cũ (cá nhân chỉ là sản phẩm của xã hội). Sự đảo lộn vị thế của cá nhân trong khoa học xã hội và nhân văn gắn bó mật thiết với sự ra đời của thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở phương Tây (Durkheim, 1893, 1986).

⁴ Dẫn theo Chủ tịch Hồ Chí Minh khi đọc *Bản Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945.

⁵ Trịnh Văn Tùng lược dịch.

⁶ Tiếng Pháp: *Déclaration des droits de l'homme et des citoyens*.

Xét về mặt lịch sử, nguồn gốc của chủ nghĩa cá nhân rất khó xác định một cách chính xác. Trong ấn phẩm *Thành quách cổ đại (La Cité antique)*, Coulanges cho rằng chủ nghĩa cá nhân bắt đầu được đề cập đến trong tư tưởng Cơ đốc giáo. Ở đây, chủ nghĩa cá nhân là một hình thái ý thức của mỗi người về sự tự do, quyền tự trị, quyền tự quyết và sự sáng tạo. Theo một quan điểm khác, chủ nghĩa cá nhân hay tư tưởng cá nhân đã ra đời cùng với lịch sử triết học và bắt nguồn từ các ấn phẩm triết học trước thời Socrate. Chủ nghĩa cá nhân tiến triển dần dần thành trào lưu cho đến cuối thế kỉ XVIII, ngay giữa cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (Akoun, 1999).

Giá trị quan trọng nhất mà người ta gán cho chủ nghĩa cá nhân là sự tự do tư duy và tự do biểu đạt của mỗi người. Dưới góc nhìn này, hiền triết người Pháp, Descartes đã khẳng định rằng: chủ nghĩa cá nhân hàm chứa trong nó quyền tự do nhận định, tự do đánh giá, tự do suy nghĩ, tự do phát biểu tiếng nói của mình và tự do hành động của mỗi người. Về mặt lịch sử của khoa học xã hội và nhân văn, khẳng định của Descartes mang tính chất quyết định, mở ra một giai đoạn mới quan niệm về vị thế, vai trò và giá trị của cá nhân.

Từ những quan niệm trên, khi nghiên cứu một thực thể xã hội hoặc một hiện tượng xã hội nào đó, thì cá nhân và các biến số thuộc về cá nhân (tuổi, giới tính, trình độ học vấn, sự kì vọng, sự mong muốn, thái độ, động cơ, ý thích, ý chí, ý thức, nhận thức, quyền tự quyết, sự tự do, v.v.) trở thành những đặc điểm cần tìm hiểu bởi những đặc điểm cá nhân ấy là khởi nguồn để lí giải các hiện tượng xã hội. Nói cách khác, khi mỗi người hấp thụ hoặc tập nhiễm thể giới xung quanh thì bản thân người đó trở thành nguồn duy nhất mang ngữ nghĩa để hiểu được hiện tượng xã hội hoặc một xã hội tổng thể. Theo nghĩa này, tư tưởng cá nhân mang trong nó những giá trị cơ bản của tư tưởng nhân văn⁷. Các nhà khoa học xã hội và nhân văn đã sử dụng khái niệm tư tưởng nhân văn trong một khoảng thời gian rất lâu trước khi sử dụng khái niệm tư tưởng cá nhân. Cả hai khái niệm này được sử dụng gần như đồng nghĩa nhằm để chỉ những giá trị mang tính nhân vị, nhân bản và nhân văn của con người.

Đối với nhà xã hội học người Pháp, Tocqueville, chủ nghĩa cá nhân đơn giản là các đặc điểm cơ bản của mỗi người trong xã hội hiện đại (1968). Trong khái niệm chủ nghĩa cá nhân, người ta thấy được một học thuyết đơn giản về luân lí, về chính trị và về chủ nghĩa tự do trong kinh tế. Nói cách khác, những giá trị tự do của cá nhân thể hiện trong suy nghĩ và hành động miễn là pháp luật không cấm. Ví dụ, thị trường lao động là bên cung lao động và bên cầu lao động tự do kí kết hợp đồng lao động theo nhu cầu đôi bên mà không trái với pháp luật. Tác giả này có cách tiếp cận khái quát về chủ nghĩa cá nhân và cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là đặc điểm riêng của các xã hội công nghiệp hiện đại. Chủ nghĩa cá nhân đã tạo ra những hình thái liên kết xã hội mới: cá nhân được xác định như một thực thể độc lập, có quyền tự quyết, quyền lựa chọn, quyền tự do tín ngưỡng, quyền suy nghĩ, quyền biểu đạt ý kiến và quyền hành động.

⁷ Tiếng Anh/tiếng Pháp: Humanism(e).

2. Chủ nghĩa cá nhân như là phương pháp luận tư duy⁸

Xét về mặt phương pháp luận, chủ nghĩa cá nhân là một hệ quan điểm, theo đó, muốn tìm hiểu và lí giải một hiện tượng xã hội hoặc một thực tế xã hội bất kì, nhà nghiên cứu phải tìm hiểu kết quả của tổng thể các hành vi cá nhân sống trong xã hội đó (Boudon, 1999, tr. 277). Với tư cách là phương pháp luận tư duy, khi muốn tìm hiểu và lí giải các hiện tượng/vấn đề xã hội, nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn xuất phát từ các yếu tố/biến số cá nhân, bởi vì, “các cá nhân kiến tạo nên xã hội” và “xã hội là tập hợp mọi cá nhân sống trong đó”. Các bước thực hành phương pháp luận tư duy cụ thể như sau:

Bước 1: Nhà khoa học xã hội và nhân văn (nhà khoa học) phải quan niệm rằng xã hội là tập hợp các cá nhân sống ở trong đó và xã hội là do sự kiến tạo của các cá nhân;

Bước 2: Mọi hiện tượng xã hội hay mọi thực tế xã hội đều là kết quả từ sự phối hợp các niềm tin, thái độ, động cơ, hành vi, hành động, v.v. của các cá nhân sống trong đó;

Bước 3. Vì vậy, nhà khoa học muốn hiểu bất kì hiện tượng xã hội, vấn đề xã hội hay thực tế xã hội nào thì phải tìm hiểu tất cả niềm tin, thái độ, động cơ, hành vi, hành động, v.v. của các cá nhân sống trong đó;

Bước 4. Tuy nhiên, nhà khoa học cần ý thức rằng bản thân mình không có đủ điều kiện, công cụ, phương tiện, thời gian, nguồn lực và năng lực để tìm hiểu niềm tin, thái độ, động cơ, hành vi, hành động, v.v. của tất cả các cá nhân trong một xã hội vào một thời điểm T nào đó;

Bước 5. Để giải quyết vấn đề này, nhà khoa học phải tiến hành chọn mẫu mang tính đại diện cho tập hợp cá nhân hoặc xã hội mà mình muốn tìm hiểu và lí giải;

Bước 6. Hệ quả là, nhà khoa học không đi tìm cái đúng, cái sai mà đi tìm cái xác thực cùng với các bằng chứng thực tế (Birnbaum, Leca Jean, 1986; Dumont, 1983; Weber, 1920, 1964).

Như vậy, phương pháp luận cá nhân không cho phép nhà khoa học đi tìm “Chân lí khoa học” (không chứng minh Đúng/Sai bằng công thức) mà đi tìm “cái xác thực”⁹ dựa trên bằng chứng và trên cơ sở chỉ ra những phát hiện khoa học mang tính xác suất (Passeron, 1991; Trịnh Văn Tùng, 2001).

Về mặt lịch sử, hệ quan điểm về phương pháp luận cá nhân được xác định từ cuối thế kỉ XIX bởi các nhà khoa học kinh tế. Bắt đầu từ Menger, các nhà kinh tế học sử dụng phương pháp luận cá nhân đều tuân thủ nguyên tắc, theo đó, tập hợp hành vi và hành động của cá nhân xảy ra vì động cơ vị lợi, duy lí và tính toán (Akoun, 1999).

Nhà xã hội học Đức, Weber, cũng là người tuân thủ tuyệt đối phương pháp luận cá nhân khi tìm hiểu xã hội: *“cũng giống như kinh tế, nghiên cứu xã hội học cần tuyệt đối*

⁸ Tiếng Anh/tiếng Pháp: Individualism methodologism/Individualisme méthodologique.

⁹ Tiếng Anh/tiếng Pháp: The Veridicity/La Véridicité.

tuân thủ phương pháp luận cá nhân”, đó là lời lẽ trong lá thư của ông gửi cho Robert Liefmann ngày 09/3/1920. Theo Weber, muốn thực hành nghiên cứu “*xã hội học thấu hiểu thực tế xã hội*”¹⁰ thì mọi nghiên cứu phải dựa vào phương pháp luận cá nhân: “*xã hội học thấu hiểu như chúng ta quan niệm là phải xem xét cá nhân một cách tách biệt và xem xét thái độ, niềm tin, hoạt động, hành vi và hành động của cá nhân như là đơn vị phân tích cơ bản, tức là lấy cá nhân làm điểm xuất phát [...]; nhiệm vụ của xã hội học thấu hiểu là tìm hiểu thực tế xã hội xuất phát từ các biến số cá nhân, vì vậy, những khái niệm như nhà nước, cấu trúc, thể chế không phải là những đơn vị phân tích cơ bản mà là kết quả của mọi thái độ, hoạt động, hành vi và hành động của cá nhân*” (Weber, 1965, tr. 344 - 345). Trong các nghiên cứu của mình, tác giả này sử dụng một cách có hệ thống phương pháp luận cá nhân. Chẳng hạn, khi nghiên cứu xã hội học tôn giáo, ông dựa vào nguyên tắc phương pháp luận cho rằng nguyên nhân tồn tại những tín ngưỡng tôn giáo trong các chủ thể xã hội nằm ở ý nghĩa mà mỗi cá nhân gán cho thực hành tôn giáo của họ. Nói cách khác, mỗi cá nhân thực hành tôn giáo là vì họ có niềm tin và lí lẽ giải thích cho niềm tin đó (Weber, 1920, 1964).

Tóm lại, trong khoa học xã hội và nhân văn, chủ nghĩa cá nhân bao hàm những khía cạnh và cấp độ ngữ nghĩa sau đây:

(i) Nhóm thứ nhất gồm các nhà khoa học gán cho chủ nghĩa cá nhân là tư tưởng vị lợi kinh tế, tư tưởng ích kỉ và coi cái tôi cao hơn cái tập thể hoặc coi cái tôi là tối thượng, trên hết và trước hết. Tư tưởng cá nhân này mang tính phản giá trị và cần phải phòng ngừa, đấu tranh để loại bỏ nó.

(ii) Nhóm thứ hai gồm các nhà khoa học cho rằng mỗi người tồn tại như là một thực thể duy nhất, người đó có quyền tự do suy nghĩ, tự do biểu đạt, quyền tự quyết và quyền tự do hành động. Như vậy, cấu trúc, thiết chế và thể chế xã hội là kết quả của một tập hợp hành động do các cá nhân sống trong đó kiến tạo nên.

(iii) Trong khoa học xã hội và nhân văn, trước khi phương pháp luận biện chứng thắng thế và ngày càng trở nên phổ biến như hiện nay thì đã xuất hiện hai cách tiếp cận hoặc hai cách tìm hiểu và lí giải xã hội trái ngược với nhau:

Thứ nhất, cách tiếp cận cấu trúc cho rằng, mọi cá nhân là sản phẩm của xã hội; nói cách khác, xã hội tổng thể, thiết chế, hệ thống và cấu trúc như thế nào thì sẽ tạo ra cá nhân như thế đó.

Thứ hai, cách tiếp cận cá nhân cho rằng, xã hội tổng thể, thiết chế, hệ thống và cấu trúc xã hội lại là sản phẩm của tập hợp thái độ, động cơ, hành vi và hành động của cá nhân; nói cách khác, tập hợp các cá nhân kiến tạo nên xã hội chứ không phải ngược lại (Trịnh Văn Tùng và Nguyễn Thị Hoài An, 2015, tr. 113 - 124). Để hiểu sự trái ngược

¹⁰ La sociologie compréhensive.

của hai cách tiếp cận này, câu truyện “con gà có trước hay quả trứng có trước” trong dân gian Việt Nam có thể coi là một ví dụ tiêu biểu, bởi vì, sự thảo luận giữa hai nhóm nhà khoa học này trở nên vô cùng vô tận, tức là không có hồi kết. Tuy vậy, cùng với phương pháp luận cấu trúc, sự ra đời và phát triển của phương pháp luận cá nhân trong khoa học xã hội và nhân văn đã góp phần làm phong phú thêm những con đường và phương pháp tìm hiểu, lí giải thực tế xã hội.

3. Bản chất khái niệm “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” của Đảng hiện nay

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân là một nội dung rất quan trọng trong chủ trương của Đảng ngay từ khi bắt đầu cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Xét về khía cạnh đạo đức và luân lí, chủ nghĩa cá nhân theo quan niệm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh mang trong nó tất cả mọi độc tố có thể cản trở và làm nguy hại đến sự tồn vong của giai cấp và dân tộc. Ví dụ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: *“Chủ nghĩa cá nhân đặt lợi ích riêng của mình, của gia đình lên trên, lên trước lợi ích chung của dân tộc”* (Hồ Chí Minh, 2011, tập 8, tr. 116); *“Chủ nghĩa cá nhân lợi mình hại người, tự do vô tổ chức, vô kỉ luật và những tính xấu khác là kẻ nguy hiểm của chủ nghĩa xã hội”* (Hồ Chí Minh, 2011, tập 13, tr. 66) hoặc *“Chủ nghĩa cá nhân là không quan tâm đến lợi ích tập thể [...] Miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy”* (Hồ Chí Minh, 2011, tập 8, tr. 90). Như vậy, chủ nghĩa cá nhân theo Hồ Chí Minh là sự tuyệt đối của lợi ích cá nhân, đặt lợi ích của cá nhân lên trên hết và trước hết so với lợi ích của Đảng, của giai cấp, của tập thể và toàn thể xã hội. Những hàm ý của chủ nghĩa cá nhân do Hồ Chí Minh xác định là rất tường minh bởi nó mang lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, tiêu cực, cụ thể như: *“nó sinh ra vô kỉ luật, vô tổ chức, tham địa vị, tham danh vọng, bè phái, tham ô, lãng phí, quan liêu, v.v.”* (Hồ Chí Minh, 2011, tr. 100). Cũng giống như nhiều nhà khoa học xã hội và nhân văn quốc tế, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân theo quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta nghĩa là đấu tranh chống lại chủ nghĩa ích kỉ và chủ nghĩa vị lợi cá nhân, chạy theo vật chất thuần túy dẫn đến lơ là hoặc bỏ qua đời sống tinh cảm, cũng như quan hệ xã hội lành mạnh.

“Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” của Đảng ta hiện nay được cô đọng nhất và hiện hữu nhất trong nhiều bài viết và bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. *“Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tham nhũng, tiêu cực, v.v. bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân”*, *“kiên quyết đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong toàn Đảng”* là những thông điệp mạnh mẽ của Tổng Bí thư tại Hội nghị trung ương lần thứ tư khóa XIII, thể hiện tầm nhìn chiến lược trong vấn đề xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Ngược lại, những giá trị như sự tự do tư duy, tự do biểu đạt, tự do ngôn luận, tự do hành động và sáng tạo của cá nhân mỗi người lại được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức khuyến khích. Một ví dụ điển hình cho sự khuyến khích này chính là việc Đảng ta đã chính thức hóa công cuộc “Đổi mới” (1986). Cụ thể là, trong giai đoạn làm chủ

tập thể thái quá, tất cả nông dân đã được đưa vào làm việc trong các hợp tác xã kiểu cũ theo một mô hình “kinh tế trại lính”, Việt Nam đã chứng kiến sự nghèo đói và lạm phát do hiện tượng “cha chung không ai khóc”. Tuy nhiên, kể từ khi thực hiện Khoán 10 và Khoán 100, mỗi người nông dân được tự do sáng tạo trên mảnh đất nông nghiệp của mình trong khuôn khổ pháp luật thì chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Nam không những xóa đói, giảm nghèo, mà còn trở thành nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới. Rõ ràng, phương pháp luận cá nhân đã được Đảng ta vận dụng nhằm kích hoạt mọi sự sáng tạo của người dân để tạo cơ hội, điều kiện cho người dân phát huy hết năng lực cá nhân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kết luận

Do thuật ngữ “chủ nghĩa cá nhân” trong khoa học xã hội và nhân văn nói chung có nhiều tầng ngữ nghĩa, dễ dẫn đến sự hiểu lầm, nên khi truyền tải thông điệp “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” cần diễn đạt đúng bản chất của khái niệm này. Nói cách khác, bản chất “đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” của Đảng ta chính là đấu tranh chống lại “cái tôi tuyệt đối”, “cái tôi thượng đẳng”, “sự tham lam vật chất”, “sự ích kỉ”, v.v. “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân” đồng nghĩa với “đấu tranh chống chủ nghĩa vị kỉ”.

Ngược lại, phương pháp luận cá nhân với tư cách là phương pháp tư duy nhằm phát huy sự tự do sáng tạo của mỗi người dân trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lại được Đảng ta đặc biệt quan tâm và khuyến khích, bởi vì, “Dân giàu, Nước mạnh” chính là phép biện chứng đảm bảo cho Tổ quốc được trường tồn và phát triển. Trong trường hợp này, phương pháp luận cá nhân gợi ý cho các nhà khoa học xã hội và nhân văn rằng muốn tìm hiểu và lí giải các hiện tượng xã hội, thực tế xã hội và cấu trúc xã hội, có thể lấy cá nhân (thái độ, suy nghĩ, động cơ, hành vi, hành động... cá nhân) làm điểm xuất phát và là đơn vị phân tích cơ bản.

Tài liệu tham khảo

1. Akoun A et Ansart P. 1999. *Dictionnaire de Sociologie*. Paris. Le Robert et Seuil.
2. Birnbaum Pierre, Leca Jean (sous dir. de). 1986. *Sur l'Individualisme*. Presses de la FNSP.
3. Boudon Raymond. 1999. “Industrialisation”. In Akoun A., et Ansart P., 1999. *Dictionnaire de Sociologie*. Paris. Le Robert et Seuil.
4. Boudon Raymond. 1983. *La Logique du social*. Paris. Seuil.
5. Coulanges Fustel de. 1864. *La Cité antique*. Strasbourg. Chez Silberman.
6. Dumont Louis. 1983. *Essais sur l'individualisme*. Paris. Seuil.
7. Durkheim Émile. 1893, 1986. *De la division du travail social*. Paris. PUF.
8. Gauchet Marcel. 1985. *Le Désenchantement du monde*. Paris. Gallimard.
9. Hồ Chí Minh. 2011. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 13. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.

10. Hồ Chí Minh. 2011. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 8. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.
11. Mommsen Wolfgang J. 1965. “Max Weber’s Political Sociology and his Philosophy of World History”. *International Social Science Journal*, 17(1), pp. 23 - 45.
12. Passeron Jean-Claude. 1991. *Le raisonnement sociologique*. Paris. Nathan.
13. Popper Karl. 1934, 1959. *The Logic of Scientific Discovery*. Routledge.
14. Tocqueville Alexis de. 1968. *De la démocratie en Amérique (1835 - 1840)*. Paris. Gallimard.
15. Trịnh Văn Tùng. 2001. Traduction d’un texte épistémologique et/ou philosophique (*Le Raisonnement sociologique* de Jean-Claude Passeron et *Soi-même comme un autre* de Paul Ricœur en Vietnamien) (Thèse doctorale publiquement soutenue le 26 septembre 2001 à l’Université Charles De Gaulle - Lille III - France).
16. Trịnh Văn Tùng (đồng tác giả). 2001. *Lý luận xã hội học* (sách tái biên từ luận án tiến sĩ và diễn dịch). Hà Nội. Nxb. Thế giới.
17. Trịnh Văn Tùng và Nguyễn Thị Hoài An. 2015. “Các lý thuyết vĩ mô trong xã hội học: một ứng dụng trong xây dựng khung lý thuyết cho nghiên cứu theo quan niệm lý thuyết vĩ mô của T. Kuhn”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(130).
18. Weber Max. 1920, 1964. *L’Éthique protestante et l’esprit du capitalisme*. Paris. Plon.
19. Weber Max. 1920. “Letter to Robert Liefmann on March 09th 1920”, (<https://www.google.com/search?q=letter+of+weber+to+liefman&oq=letter+of&aqs=chrome.0.35i39j69i57j0i131i433i512i2j0i512j0i131i433i512j69i60i2.8918j0j4&sourceid=chrome&ie=UTF-8>).
20. Weber Max. 1965. *Essais sur la théorie de la science*. Paris. Plon.